

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Toan

2. Bà Ngô Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Ngọc Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà **Cao Thảo Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: hẻm Nguyễn Đ, TP. P, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: tổ 4, phường T, TP. P, tỉnh G, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Tôi và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP.P, tỉnh G vào năm 2003. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến thời gian sau này thì tôi và anh Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên đi đánh bài, bỏ bê con cái và gia đình, dẫn đến việc vợ chồng hay mâu thuẫn và cãi cọ nhau gây ảnh hưởng đến các tâm lý cũng như việc học hành của các con, tôi đã nhiều lần tha thứ để mong anh Đ sửa chữa khuyết điểm, nhưng càng ngày tôi

thấy sự việc càng không như mong muốn, vợ chồng tôi đã sống gần như ly thân được một thời gian, đến nay đã quá sức chịu đựng của tôi, tình yêu vợ chồng cũng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Vũ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung: Hoàng Bảo N, sinh ngày: 07/01/2006 và Hoàng Bảo N sinh ngày: 21/3/2008.

Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H với mức 1.500.000đ /tháng/cháu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị H và anh Đ tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ có lời khai tại hồ sơ và trong quá trình xét xử, anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chúng tôi đã đăng ký kết hôn từ năm 2003 tại UBND phường T, TP.P, tỉnh G, trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần một năm nay tôi có thay đổi tính cách sinh ra chơi bời, song mấy tháng nay tôi đã từ bỏ và đã xin lỗi vợ, trong thời gian tôi ra ngoài chơi bời thì vợ chồng tôi cũng có sống ly thân, tôi biết vợ tôi có giận tôi nên làm đơn xin ly hôn, bản thân tôi rất muốn hàn gắn gia đình vì còn yêu thương vợ con, vì vậy việc cô H làm đơn yêu cầu ly hôn thì tôi không nhất trí.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: Hoàng Bảo N, sinh ngày: 07/01/2006 và Hoàng Bảo N sinh ngày: 21/3/2008.

Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con cùng chị H với mức 1.500.000đ /tháng/cháu thì tôi cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị H.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

- * Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- * Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị H và anh Hoàng Văn Đ ly hôn, về con chung giao con chung của hai vợ chồng cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và buộc anh Hoàng Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị H có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ, cư trú tại: tổ 4, phường T, TP. P, tỉnh G. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường T, TP.P, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 25/12/2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ là hợp pháp.

[3] Quá trình chung sống chị H cho rằng anh Đ không quan tâm tới gia đình, thường xuyên ham chơi bỏ bê gia đình, ngoài ra còn ham mê cờ bạc, mặc dù đã nhiều lần khuyên can và bỏ qua để anh Đ quay về lo cho gia đình và vợ con tuy nhiên anh Đ vẫn không thay đổi, hiện anh chị đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm gì tới nhau. Theo biên bản xác minh ngày 14/8/2020 (Bút lục số 23) tại Hội y học dự phòng Cục hậu cần Q, xác nhận việc mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh Đ vì lý do anh Đ cờ bạc nợ nần phải bán nhà và sống không có trách nhiệm với gia đình, đơn vị cũng đã động viên ông Đ, chị H để hòa giải những mâu thuẫn trong gia đình và anh Đ cũng trình bày với đơn vị là không muốn ly hôn nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày: 07/01/2006 và Hoàng Bảo N sinh ngày: 21/3/2008. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/tháng/cháu.

Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị H thì thấy rằng chị có thời gian để nuôi dạy các con hơn anh Đ, vì anh Đ công tác trong quân đội thời gian trực tại đơn vị

nhiều, hơn nữa cả hai cháu Hoàng Bảo N và Hoàng Bảo N đều có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy giao các cháu Hoàng Bảo N và Hoàng Bảo N cho chị Vũ Thị H là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ tự thỏa thuận về phần tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H và anh Đ không có nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, Tòa án không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, anh Hoàng Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày: 07/01/2006 và Hoàng Bảo N sinh ngày: 21/3/2008 cho chị Vũ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi các con trưởng thành và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Hoàng Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày: 07/01/2006 và Hoàng Bảo N sinh ngày: 21/3/2008 với mức 1.500.000/tháng/cháu cho đến khi các con thành niên và tự lập hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi và không có khả năng nuôi sống mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng ảnh hưởng quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0005101 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/9/2020) lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
 - Chi cục THADS Tp Pleiku;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND phường Thông Nhất, TP.Pleiku, Gia Lai.
- (Giấy CNKH số 162 ngày 25/12/2003);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng